SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO LÂM ĐỒNG
TRƯỜNG PT DTNT
THCS VÀ THPT ĐẮK R'LẤP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 94a/BC - DTNTĐRL

Kiến Đức, ngày 13 tháng 10 năm 2026

BÁO CÁO CÔNG KHAI THƯỜNG NIÊN NĂM HỌC 2026- 2027

Thực hiện công tác công khai theo hướng dẫn tại Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân, trường Phổ thông Dân tộc nội trú trung học cơ sở và trung học phổ thông Đắk R'Lấp báo cáo công khai thường niên năm học 2026-2027 như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở giáo dục: trường Phổ thông Dân tộc nội trú trung học cơ sở và trung học phổ thông Đắk R'Lấp

2. Địa chỉ: Thôn 3, xã Kiến Đức, tỉnh Lâm Đồng;

- Email: dtntdakrlap@moet.edu.vn

- Website: http://ptdtntdakrlap.daknong.edu.vn/

3. Loại hình của cơ sở giáo dục: Công lập

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục

- Sứ mạng: xây dựng được môi trường học tập: có nề nếp, có kỷ cương và có chất lượng cao để mỗi học sinh đều có cơ hội phát triển năng lực sáng tạo.

- Tầm nhìn: là môi trường mà học sinh sẽ lựa chọn để học tập và rèn luyện, nơi giáo viên và học sinh luôn có khát vọng vươn lên.

- Mục tiêu:

Trong mọi điều kiện, thầy và trò nhà trường quyết tâm phấn đấu xây dựng môi trường học tập lành mạnh, có kỷ cương, nề nếp; có chất lượng giáo dục cao; phấn đấu để mỗi học sinh đều có cơ hội phát triển hết khả năng của mình.

Phấn đấu xây dựng nhà trường thực hiện: đầy đủ, tốt chức năng của trường chuyên biệt, mang đậm bản sắc dân tộc kết hợp với nét đẹp hiện đại phù hợp với xu thế phát triển của đất nước và của thời đại.

- Hệ thống giá trị cốt lõi của nhà trường:

Đoàn kết; Hợp tác; Trung thực; Trách nhiệm;

Sáng tạo, Lòng tự trọng, Lòng nhân ái, Khát vọng vươn lên.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục

Trường Phổ thông Dân tộc nội trú trung học cơ sở và trung học phổ thông Đắk R'Lấp được thành lập theo Quyết định số 06/2002/QĐ-UB ngày 06/01/2003

của Ủy ban nhân dân tỉnh Đăk Lăk, khi mới thành lập trường được mang tên là trường phổ thông dân tộc nội trú huyện Đắk R'Lấp. Ngày 06 tháng 3 năm 2017 UBND tỉnh Đắk Nông đã ra Quyết định số 385/QĐ-UBND về việc đổi tên trường phổ thông dân tộc nội trú huyện Đắk R'Lấp thành Trường phổ thông dân tộc nội trú trung học cơ sở và trung học phổ thông huyện Đắk R'Lấp.

Thực hiện Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12/6/2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh và Nghị quyết số 1671/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Lâm Đồng. Ngày 09 tháng 7 năm 2025 UBND tỉnh Lâm Đồng ban hành Quyết định số 324/QĐ-UBND ngày 09 tháng 7 năm 2025 về việc đổi tên trường PTDTNT THCS và THPT huyện Đắk R'Lấp. Theo đó, trường trước đây trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Đắk Nông sẽ chính thức chuyển sang quản lý bởi Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Lâm Đồng với tên gọi mới là *Trường phổ thông Dân tộc nội trú trung học cơ sở và trung học phổ thông Đắk R'Lấp.*

Từ khi thành lập đến nay, trường đã có nhiều đóng góp cho sự phát triển sự nghiệp giáo dục là con em đồng bào là dân tộc thiểu số tại địa phương. Trong xu thế hội nhập và phát triển hiện nay, đòi hỏi sự nghiệp giáo dục học sinh là con (em) đồng bào dân tộc thiểu số cần được quan tâm hơn nữa, đặc biệt là việc giáo dục thế hệ trẻ là con, em ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số trở thành những con người có đủ các phẩm chất đạo đức, năng lực để đáp ứng được công cuộc phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới.

6. Thông tin người đại diện pháp luật

Họ và tên: Nguyễn Văn Lam

Chức vụ: Hiệu trưởng, địa chỉ làm việc

Điện thoại: 0911.52.20.20

Thư điện tử: nguyenlam.nguyenlam@gmail.com

7. Tổ chức bộ máy

a. Quyết định thành lập trường

Quyết định số 06/2002/QĐ-UB ngày 06/01/2003 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đăk Lăk về thành lập trường phổ thông dân tộc nội trú huyện Đắk R'Lấp;

Quyết định số 385/QĐ-UBND ngày 06/3/2017 của UBND tỉnh Đắk Nông đã ra về việc đổi tên trường phổ thông dân tộc nội trú huyện Đắk R'Lấp thành Trường phổ thông dân tộc nội trú trung học cơ sở và trung học phổ thông huyện Đắk R'Lấp;

Quyết định số 324/QĐ-UBND ngày 09 tháng 7 năm 2025 của tỉnh Lâm Đồng về việc đổi tên trường PTDTNT THCS và THPT huyện Đắk R'Lấp thành trường phổ thông Dân tộc nội trú trung học cơ sở và trung học phổ thông Đắk R'Lấp.

b. Quyết định bổ nhiệm Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng

Hiệu trưởng được bổ nhiệm theo Quyết định số 465/QĐ-SGDĐT, ngày 07/8/2025 của Giám đốc Sở GDĐT Lâm Đồng (thay thế Quyết định số 1058/QĐ-

SGDĐT, ngày 04/6/2025 của Sở GDĐT Đắk Nông do sáp nhập tỉnh).

Phó hiệu trưởng 1 được bổ nhiệm theo Quyết định số 321/QĐ-SGDĐT, ngày 31/7/2025 của Giám đốc Sở GDĐT Lâm Đồng (thay thế Quyết định số 1627/QĐ-SGDĐT, ngày 24/12/2020 của Sở GDĐT Đắk Nông do sáp nhập tỉnh).

Phó hiệu trưởng 2 được bổ nhiệm theo Quyết định số 319/QĐ-SGDĐT, ngày 31/7/2025 của Giám đốc Sở GDĐT Lâm Đồng (thay thế Quyết định số 1068/QĐ-SGDĐT, ngày 05/6/2025 do sáp nhập tỉnh).

c. Quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của nhà trường

Quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường thực hiện theo Thông tư số 04/2023/TT-BGDĐT, ngày 23/02/2023 của Bộ GDĐT về Ban hành Quy chế và tổ chức hoạt động của trường phổ thông dân tộc nội trú;

Chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của nhà trường

Chức năng: Giáo dục và nuôi dưỡng học sinh dân tộc thiểu số, học sinh thuộc gia đình định cư lâu dài tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định trên địa bàn nhằm mục tiêu tạo nguồn đào tạo nhân lực có chất lượng cho các vùng này.

Nhiệm vụ: nhiệm vụ theo 15/2026/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 3 năm 2026

1. Xác định tầm nhìn, sứ mạng, các giá trị cốt lõi của nhà trường; xây dựng kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường phù hợp với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

2. Tổ chức thực hiện chương trình giáo dục phổ thông theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; xây dựng và triển khai kế hoạch giáo dục nhà trường đáp ứng yêu cầu của chương trình giáo dục phổ thông, phù hợp với điều kiện thực tiễn, nhu cầu và đặc điểm của học sinh.

3. Quyết định phương pháp, hình thức tổ chức hoạt động giáo dục, bao gồm tổ chức thực hiện chương trình giáo dục phổ thông; hoạt động trải nghiệm, giáo dục STEM/STEAM, năng lực số, trí tuệ nhân tạo (AI), hướng nghiệp, kĩ năng sống, giáo dục hội nhập, giáo dục hòa nhập và các hoạt động giáo dục tăng cường theo nhu cầu, sở thích chính đáng của học sinh, phù hợp với quy định của pháp luật; không vi phạm quy định về dạy thêm, học thêm. Chủ động triển khai hoặc phối hợp với tổ chức khoa học và công nghệ, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có chức năng trong hoạt động giáo dục, nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo để thực hiện chương trình giáo dục theo quy định của pháp luật.

4. Thực hiện các hoạt động về bảo đảm chất lượng giáo dục, tập trung vào đổi mới phương pháp dạy học và đánh giá học sinh, phát triển đội ngũ, tăng cường điều kiện bảo đảm chất lượng, nâng cao hiệu quả quản trị nhà trường và đạt chuẩn quốc gia. Tham gia các kỳ đánh giá quốc gia, quốc tế về chất lượng giáo dục phổ thông theo yêu cầu của các cơ quan quản lý giáo dục quốc gia và địa phương.

5. Thực hiện chuyển đổi số trong giáo dục phổ thông và quản trị nhà trường; ứng dụng công nghệ thông tin, nền tảng số trong dạy học, kiểm tra, đánh giá và quản lý; phát triển, sử dụng học liệu số; quản lý, khai thác, kết nối dữ liệu giáo dục theo quy định, bảo đảm an toàn, bảo mật thông tin.

6. Tuyển sinh, tiếp nhận, quản lý học sinh theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Tổ chức thực hiện giáo dục bắt buộc đối với cấp tiểu học và trung học cơ sở. Nhận bảo trợ và quản lý các hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học và cấp trung học cơ sở theo sự phân công của cấp có thẩm quyền.

7. Quản lý, thực hiện chế độ, chính sách đối với giáo viên, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục, nhân sự hỗ trợ giáo dục theo quy định của pháp luật; tổ chức cho giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục, nhân sự hỗ trợ giáo dục, học sinh tham gia các hoạt động xã hội; thực hiện quy chế dân chủ trong trường học.

8. Phối hợp với gia đình, cộng đồng trong giáo dục học sinh, tổ chức các hoạt động tư vấn học sinh, chăm sóc sức khỏe thể chất, tinh thần cho học sinh và tổ chức các hoạt động xã hội; xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, dân chủ, kỷ cương; phòng, chống tiêu cực, bạo lực học đường và các hành vi vi phạm pháp luật trong nhà trường; thực hiện công bằng trong tiếp cận giáo dục.

9. Quản lý, sử dụng và bảo quản cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, sách giáo khoa bảo đảm sử dụng hiệu quả, tiết kiệm; huy động và sử dụng các nguồn lực xã hội hóa phục vụ hoạt động dạy và học trong nhà trường theo quy định của pháp luật.

10. Thực hiện trách nhiệm giải trình của cơ sở giáo dục trong quản lý các hoạt động giáo dục; bảo đảm việc tham gia của học sinh, gia đình và xã hội trong quản lý các hoạt động giáo dục theo quy định của pháp luật. Thực hiện công khai về cam kết chất lượng giáo dục, các điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục và thu, chi tài chính theo quy định của pháp luật.

11. Thực hiện các nhiệm vụ và quyền khác theo quy định của pháp luật.

Nhiệm vụ theo Thông tư số 04/2023/TT-BGDĐT, ngày 23/02/2023

1. Chăm sóc, nuôi dưỡng và quản lý học sinh dân tộc nội trú; đảm bảo các điều kiện để học sinh dân tộc nội trú được học tập, ăn, ở và sinh hoạt an toàn tại trường.

2. Tổ chức các hoạt động giáo dục đặc thù phù hợp với học sinh dân tộc nội trú.

3. Giáo dục học sinh về chủ trương, chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước; bản sắc văn hóa và truyền thống tốt đẹp của các dân tộc Việt Nam; ý thức tham gia phục vụ phát triển kinh tế - xã hội ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

4. Giáo dục hướng nghiệp và dạy nghề truyền thống phù hợp với năng lực, phẩm chất của học sinh, điều kiện và yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

5. Theo dõi, thống kê số lượng học sinh, đánh giá hiệu quả giáo dục hằng năm và theo từng giai đoạn để xây dựng các giải pháp phù hợp nhằm nâng cao chất lượng giáo dục của trường PTDTNT.

d. Quyết định thành lập, sát nhập, chia tách, giải thể: Không.

đ. Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo cơ sở giáo dục

- Hiệu trưởng:

Họ và tên: Nguyễn Văn Lam, địa chỉ làm việc: Thôn 3, xã Kiến Đức, tỉnh Lâm Đồng. Điện thoại: 0911.52.20.20

Thư điện tử: *nguyenlam.nguyenlam@gmail.com*

- Phó Hiệu trưởng 1:

Họ và tên: Trần Thị Hoa, địa chỉ làm việc: Thôn 3, xã Kiến Đức, tỉnh Lâm Đồng. Điện thoại: 0942794582.

Thư điện tử: *hoa.tt78@gmail.com*

- Phó Hiệu trưởng 2:

Họ và tên: Đinh Ngọc Tú, địa chỉ làm việc: Thôn 3, xã Kiến Đức, tỉnh Lâm Đồng. Điện thoại: 0974269357. Thư điện tử: *ngoctu151888@gmail.com*

8. Các văn bản khác

Chiến lược phát triển của nhà trường; Quy chế dân chủ cơ sở; Quy chế làm việc; Quy chế chi tiêu nội bộ; Kế hoạch giáo dục.(*đính kèm*).

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ, NHÂN VIÊN

1. Số lượng đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên chia theo nhóm vị trí việc làm và trình độ đào tạo

STT	Tên vị trí việc làm	Số lượng	Trình độ CM, NV	Ghi chú
1	Hiệu trưởng	01	ĐH, Ths	03
2	Phó Hiệu trưởng	02	ĐH, Ths	
3	Giáo viên THCS	08	ĐH	19
4	Giáo viên THPT	11	ĐH	
5	Y tế học đường	01	TC	04
6	Kế toán	01	ĐH	
7	Văn thư-Thủ quỹ	01	ĐH	
8	Thư viện	01	TC	
9	Cấp dưỡng	04	HĐ 111	06
10	Bảo vệ	02	HĐ 111	
Tổng		**32**		

2. Số lượng, tỉ lệ giáo viên, CBQL đạt chuẩn nghề nghiệp theo quy định

- 100% CBQL, GV, NV đạt chuẩn về trình độ theo Luật GD 2019.
- 100% CBQL, GV đạt chuẩn nghề nghiệp theo Thông tư số 20/2018.

3. Số lượng, tỉ lệ giáo viên, CBQL hoàn thành bồi dưỡng hàng năm

22/22 đạt tỷ lệ 100% CBQL, GV hoàn thành bồi dưỡng hàng năm.

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

1. Diện tích khu đất xây dựng trường, diện tích bình quân tối thiểu cho 1 học sinh; đối sánh theo yêu cầu tối thiểu theo quy định

TT	Nội dung	Số lượng	Bình quân/ đối sánh với yêu cầu tối thiểu	Ghi chú
1	Tổng diện tích đất (m^2)	30.233.5 m^2	45.47 m^2/học sinh	Đạt
2	Tổng diện tích xây dựng	1.550 m^2	10m^2/hs	Đạt

2. Số lượng, hạng mục khối phòng hành chính quản trị; khối phòng học tập; khối phòng hỗ trợ học tập; khối phụ trợ; khu sân chơi, thể dục thể thao; khối phục vụ sinh hoạt; hạ tầng kỹ thuật; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định

Khối phòng hành chính quản trị: 06 phòng

Khối phòng học tập: 08 phòng học

Khối phòng hỗ trợ học tập: 01 phòng thư viện, 06 thiết bị

Khối phụ trợ: 01 phòng y tế

Khu sân chơi, thể dục thể thao: 5.000 m^2

Khối phục vụ sinh hoạt : 01 hội trường; 01 nhà phục vụ hoạt động TDTT.

Hạ tầng kỹ thuật: đủ so với yêu cầu tối thiểu theo quy định

3. Số thiết bị dạy học hiện có; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định: Nhà trường có đủ thiết bị văn phòng và các thiết bị khác phục vụ các hoạt động của nhà trường

Hiện tại, trường có 07 máy tính cho bộ phận hành chính, 36 máy tính học sinh. Tất cả máy tính được kết nối Internet đảm bảo nhu cầu phục vụ công tác quản lý và phục vụ hoạt động giảng dạy, học tập. Nhà trường chưa đảm bảo các loại thiết bị giáo dục theo danh mục tối thiểu do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định. Mỗi giáo viên có một bộ thiết bị cần thiết trong quá trình giảng dạy, một bộ sách giáo khoa, tài liệu hướng dẫn giảng dạy và các tài liệu cần thiết khác. Mỗi học sinh có ít nhất một bộ sách giáo khoa, các đồ dùng học tập.

Danh mục sách giáo khoa sử dụng trong cơ sở giáo dục đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; danh mục, số lượng xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu đã

được cơ sở giáo dục lựa chọn, sử dụng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Danh mục sách giáo khoa thực hiện theo danh mục đã được cấp thẩm quyền phê duyệt được công khai trên trang Website.

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

1. Kết quả tự đánh giá chất lượng Giáo dục; kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá

Kết quả tự đánh giá chất lượng Giáo dục: Đạt kiểm định chất lượng mức độ 2; Chuẩn quốc gia mức độ 1.

Kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá:

Tiếp tục rà soát, sửa chữa, nâng cấp, mua sắm bổ sung và tham mưu các cấp quản lý để đầu tư CSVC, trang thiết bị đáp ứng việc dạy học, Giáo dục theo yêu cầu chương trình GDPT 2018;

Có các biện pháp, giải pháp phù hợp nhằm nâng cao chất lượng dạy học và Giáo dục học sinh;

Làm tốt hơn nữa công tác duy trì sĩ số, nâng cao hiệu quả Giáo dục.

2. Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng Giáo dục, đạt chuẩn quốc gia; kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 05 năm và hàng năm.

Dự kiến đến năm 2029, nhà trường tổ chức đánh giá ngoài và công nhận đạt quy định về chất lượng giáo dục, đạt chuẩn quốc gia.

V. KẾ HOẠCH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

1. Thông tin về kế hoạch hoạt động giáo dục của năm học

a) Kế hoạch tuyển sinh

Nhà trường ban hành Kế hoạch số 07/KH-PTDTNTĐRL ngày 19/5/2026 về kế hoạch tuyển sinh THCS, THPT và tuyển bổ sung năm học 2026-2027 *(nhà trường tiến hành đăng tải website).*

b) Kế hoạch giáo dục

Nhà trường tổ chức góp ý, lấy ý kiến và ban hành Kế hoạch giáo dục năm học 2026-2027 *(nhà trường tiến hành đăng tải website).*

c) Quy chế phối hợp giữa cơ sở giáo dục với gia đình và xã hội trong việc chăm sóc, giáo dục học sinh

Nhà trường có Ban đại diện CMHS lớp và Ban đại diện CMHS cơ sở giáo dục, có kế hoạch phối hợp hoạt động trong năm học. Nhà trường đã phối hợp với các cơ quan chức năng (Công an xã, Đoàn xã…) và các lực lượng xã hội để chăm sóc, giáo dục học sinh.

Thực hiện các chính sách đối với học sinh theo quy định tại Nghị định số 66/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ Quy định chính sách cho

trẻ em nhà trẻ, học sinh, học viên ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo và cơ sở giáo dục có trẻ em nhà trẻ, học sinh hưởng chính sách.

d) Các chương trình, hoạt động hỗ trợ học tập, rèn luyện, sinh hoạt cho học sinh

Tặng giấy khen, tiền mặt cho những tập thể có thành tích trong phong trào thi đua theo quy chế từ đầu năm học. Nhà trường phối hợp với BĐD CMHS, Đoàn Thanh niên khen thưởng đầy đủ, thời cho các HS có thành tích trong học tập, rèn luyện, tham gia các phong trào.

Phối hợp với các cơ quan ban ngành trên địa bàn và từ Sở Giáo dục thực hiện các chương trình tuyên truyền giáo dục pháp luật, Giáo dục sức khỏe sinh sản vị thành niên, an toàn giao thông, tuyên truyền phòng chống ma túy…

Đoàn Thanh niên, Đội thiếu niên thường xuyên tổ chức các hoạt động ngoại khóa, các hoạt động văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao, giáo dục truyền thống lịch sử, giáo dục tinh thần tương thân tương ái.

đ) Thực đơn hằng ngày của học sinh: Công khai hàng ngày: thực đơn; khay ăn sáng, trưa, chiều; số lượng thực phẩm nhập hàng ngày; Bảng công khai tài chính kèm theo số lượng thực phẩm nhập hàng ngày trên nhóm Zalo GVCN-PHHS-LĐ trường.

2. Thông tin về kết quả giáo dục thực tế của năm học trước

a. Kết quả tuyển sinh; tổng số HS theo từng khối; số HS bình quân/lớp theo từng khối; số lượng HS nam/HS nữ, HS là người dân tộc thiểu số

Khối	Số lớp	Tổng số HS	HS nữ	HSDT	Ghi chú
6	1	31	20	29	
7	1	31	20	31	
8	1	29	10	27	
9	1	31	19	31	
10	1	32	12	31	
11	1	30	18	30	
12	1	33	25	32	
Tổng	**07**	**217**	**124**	**211**	

- Chất lượng giáo dục mũi nhọn có sự chuyển biến rõ rệt trong kỳ thi Học sinh giỏi cấp tỉnh nhà trường đạt 02 giải, trong đó có 01 giải Nhì môn Ngữ văn và 01 giải Ba môn Địa lý. Đại hội TDTT ngành giáo dục lần thứ nhất nhà trường đạt 02 Huy chương (01 HCB và 01 HCĐ);

- Chất lượng giáo dục toàn diện của nhà trường tiếp tục được khẳng định và nâng lên rõ rệt, năm học 2025-2026 toàn trường có 02 học sinh đạt danh hiệu Học sinh Xuất sắc; 19 học sinh đạt danh hiệu Học sinh Giỏi.

- Về kết quả tốt nghiệp THPT và xét công nhận tốt nghiệp THCS

+ Kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT: 32/33 đậu tốt nghiệp; đạt tỷ lệ: 96,97%;

+ Có 18/33 học sinh đậu vào các trường ĐH-CĐ.

+ Tỷ lệ xét tốt nghiệp THCS đối với khối lớp 9 đạt 100% (100% các em sau tốt nghiệp tiếp tục học lên cấp THPT và tham gia học nghề).

b) Thống kê kết quả đánh giá HS theo quy định của Bộ giáo dục và Đào tạo; thống kê số lượng HS được lên lớp, HS không được lên lớp

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp						
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9	Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
I	Số học sinh chia theo rèn luyện	217	31	31	29	31	32	30	33
1	Tốt	177	21	24	17	29	23	30	33
	Tỷ lệ	81,57	67,74	77,42	58,62	93,55	71,88	100,00	100
2	Khá	31	4	7	9	3	8	0	0
	Tỷ lệ	14,29	12,90	22,58	31,03	9,68	25,00	0,00	0,00
3	Đạt	10	6	0	3	0	1	0	0
	Tỷ lệ	4,61	19,35	0,00	10,34	0,00	3,13	0,00	0,00
4	Chưa đạt	0	0	0	0	0	0	0	0
	Tỷ lệ	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
II	Số học sinh chia theo KQ học tập	217	31	31	29	31	32	30	33
1	Tốt	21	1	1	0	3	2	7	7
	Tỷ lệ	9,68	3,23	3,23	0,00	9,68	6,25	4,00	21,21
2	Khá	96	9	13	12	12	13	15	22
	Tỷ lệ	44,24	29,03	41,94	41,38	38,71	40,63	18,00	66,67
3	Đạt	93	17	15	15	17	17	8	4
	Tỷ lệ	42,86	54,84	48,39	51,72	54,84	53,13	11,00	12,12
4	Chưa đạt	8	4	2	2	0	0	0	0
	Tỷ lệ	3,69	12,90	6,45	6,90	0,00	0,00	0,00	0,00
III	Tổng hợp kết quả cuối năm	217	31	31	29	31	32	30	33
1	Lên lớp	211	27	30	27	32	32	30	33
	Tỷ lệ	97,24	87,10	96,77	93,10	103,23	100,00	100,00	100,00
a	Học sinh Xuất sắc	2	0	0	0	0	0	1	1
	Tỷ lệ	0,92	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	3,33	3,03
b	Học sinh Giỏi	21	1	1	3	2	2	6	6
	Tỷ lệ	9,68	3,23	3,23	10,34	6,45	6,25	20,00	18,18
2	Đánh giá lại	11	5	2	2	0	1	1	0
	Tỷ lệ	5,07	16,13	6,45	6,90	0,00	3,13	3,33	0,00
3	Không được lên lớp	8	4	2	2	0	0	0	0
	Tỷ lệ	3,69	12,90	6,45	6,90	0,00	0,00	0,00	0,00
4	Chuyển trường đến/đi	0	0	0	0	0	0	0	0
	Tỷ lệ	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
5	Bị đình chỉ học tập	0,00							
6	Bỏ học *(trong hè và trong năm học)*	0	0	0	0	0	0	0	0
IV	Số HS đạt giải các kỳ thi HSG	0							
1	Cấp huyện	0							
2	Cấp tỉnh/thành phố	3						2	1
3	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế	0							
V	Số HS dự xét hoặc dự thi tốt	64				31			33

	nghiệp								
VI	Số HS được công nhận TN *(cả hai hệ)*	58				26			32
1	Giỏi	0				0			
	Tỷ lệ	0,00				0,00			0,00
2	Khá	12				12			
	Tỷ lệ	20,69				46,15			0,00
3	Trung bình	49				17			32
	Tỷ lệ	84,48				65,38			100,00
VII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng	18							18
VIII	Số học sinh nam/số học sinh nữ	95/124	11/20	12/20	19/10	13/19	20/12	12/18	8/25
IX	Số học sinh dân tộc thiểu số	211	29	31	27	31	31	30	32

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

1. Tình hình tài chính của cơ sở Giáo dục, trong đó có cơ cấu các khoản thu, chi hoạt động như sau:

a) Các khoản thu (Dự toán được sử dụng trong năm):

ĐVT: đồng

Nguồn kinh phí	2026	2025
1. Ngân sách tỉnh thực hiện tự chủ	**7.435.995.852**	**7.327.878.725**
2. Ngân sách tỉnh không thực hiện tự chủ	**7.999.957.500**	**6.049.730.434**
- Nguồn là Nghị định 66/2025/NĐ-CP	6.517.645.500	5.750.930.434
- Thăm tặng quà tết	0	16.000.000
- Hỗ trợ ôn thi lớp 12	0	7.300.000
- Nguồn đào tạo	0	20.800.000
- Nguồn khen thưởng Nghị định 73	0	278.000.000
- Chính sách hợp đồng thực hiện công việc hỗ trợ, phục vụ	432.000.000	
- Nguồn sửa chữa điện nước	490.000.000	
- Chính sách Nghị đinh 66 năm 2025	560.312.000	
Tổng cộng thu	**15.435.953.352**	**13.377.609.159**

b) Các khoản chi (Tại thời điểm tháng 9/2026):

➢ Nguồn ngân sách tỉnh thực hiện tự chủ:

ĐVT: đồng

STT	Nội dung chi	Thời điểm 9/2026	Thời điểm 9/2025
I	**Chi tiền lương và thu nhập**	**5.284.129.465**	**5.082.372.552**
1	Tiền lương	2.169.860.703	2.044.048.501
2	Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng	16.079.523	342.170.478
3	Phụ cấp lương	2.318.156.128	2.071.179.738
4	Các khoản đóng góp	555.323.511	549.519.435
5	Tiền thưởng	37.697.000	37.908.000
6	Các khoản thanh toán khác cho cá nhân	8.745.600	7.160.400
7	Công tác phí	158.800.000	17.750.000
8	Chi cho công tác Đảng (phụ cấp cấp ủy)	19.467.000	12.636.000
II	**Chi cơ sở vật chất và dịch vụ**	**126.728.940**	**93.769.893**
1	Thanh toán dịch vụ công cộng	4.422.437	4.592.188
2	Vật tư văn phòng	29.397.380	0
3	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	52.036.948	52.413.616
4	Thông tin, tuyên truyền, liên lạc	15.922.175	15.088.000
5	Chi phí thuê mướn	8.000.000	9.000.000
6	Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng	1.950.000	3.676.089
7	Mua sắm tài sản phục vụ chuyên môn	0	0
8	Mua sắm tài sản vô hình	15.000.000	9.000.000
III	**Chi hỗ trợ**	**78.586.600**	**2.214.050**
1	Phúc lợi tập thể	78.586.600	2.214.050
IV	**Chi khác**	**11.499.420**	**7.359.220**
1	Chi khác	11.499.420	7.359.220
	Tổng cộng (I+II+III+IV)	**5.500.944.425**	**5.185.715.715**

➢ Nguồn ngân sách tỉnh không thực hiện tự chủ:

ĐVT: đồng

STT	Nội dung chi	Thời điểm 9/2026	Thời điểm 9/2025
I	**Nguồn TTLT 109 (nay là Nghị định 66)**	**3.539.567.476**	**3.092.430.445**
	Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng	403.026.711	0
1	Học bổng và hỗ trợ khác học sinh dân tộc nội trú	3.003.972.000	3.092.430.445
	Các khoản thanh toán khác cho cá nhân	51.250.000	0
2	Thông tin, tuyên truyền, liên lạc	0	6.209.000
3	Thanh toán dịch vụ công cộng (Điện, nước)	42.833.905	44.037.357
4	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	38.484.860	50.152.088
5	Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình hạ tầng cơ sở khác	0	0
II	**Nguồn sửa chữa điện nước**	**490.000.000**	**0**
III	**Tiền thưởng Nghị định 73**	**0**	**5.900.000**
1	Thưởng đột xuất	0	5.900.000
	Tổng cộng	**4.029.567.476**	**3.113.830.445**

2. Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí, học bổng đối với người học

- Hằng năm nhà trường lập danh sách học sinh được miễn học phí theo Nghị định 238/2025/NĐ-CP, ngày 03/09/2025 quy định về chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo.

- Học sinh được hưởng các chế độ theo Nghị định 66/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ Quy định chính sách cho trẻ em nhà trẻ, học sinh, học viên ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo và cơ sở Giáo dục có trẻ em nhà trẻ, học sinh hưởng chính sách.

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ KHÁC

1. Công tác chỉ đạo, hướng dẫn tổ chức thực hiện chương trình giáo dục trung học

Năm học 2026-2027 nhà trường căn cứ Công văn số 4568/SGDĐT-GDTrH, ngày 31 tháng 8 năm 2026 của Sở GDĐT Lâm Đồng về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục trung học năm học 2026-2027; Kế hoạch số 103/KH-SGDĐT ngày 09/01/2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc triển khai tổ chức dạy học 2 buổi/ngày đối với giáo dục phổ thông, giai đoạn 2025-2030; Công văn số 4673/SGDĐT-GDTrH ngày 07/09/2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc tiếp tục triển khai tổ chức dạy học 2 buổi/ngày đối với giáo dục phổ thông, giai đoạn 2025-2030 tiến hành hướng dẫn các tổ chức, bộ phận trong nhà trường tổ chức thực hiện. Thực hiện tốt công tác đảm bảo an toàn trường học, phòng chống dịch bệnh.

2. Việc thực hiện chương trình, kế hoạch giáo dục

Đảm bảo việc triển khai thực hiện chương trình, kế hoạch giáo dục đến toàn thể GV nhà trường; chỉ đạo tổ chuyên môn xây dựng Kế hoạch dạy học các môn học và hoạt động giáo dục. 100% tổ chuyên môn xây dựng, triển khai KHGD. 100% giáo viên xây dựng kế hoạch dạy học theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh.

Thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 13/2022/TT-BGDĐT ngày 03/8/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số nội dung trong Chương trình giáo dục phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; Thông tư số 17/2025/TT-BGDDT, ngày 12/9/2025 về sửa đổi, bổ sung một số nội dung trong Chương trình giáo dục phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDDT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ GDĐT.

Tổ chức triển khai Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20 tháng 7 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về đánh giá học sinh trung học cơ sở và học sinh trung học phổ thông; Thông tư số 89/2026/TT-BGDĐT ngày 16/10/2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định đánh giá học sinh tiểu học và Quy định về đánh giá học sinh trung học cơ sở và học sinh trung học phổ thông.

3. Tổ chức dạy học môn Tiếng Anh, Tin học theo Chương trình GDPT

a) Đối với môn Tiếng Anh Trường có 02 giáo viên dạy môn Tiếng Anh, dạy Tiếng Anh cho tất cả các lớp học THCS và THPT

b) Đối với môn Tin học và việc tổ chức hoạt động giáo dục tin học

Trường có 01 giáo viên dạy môn Tin học, có 01 phòng máy với 36 máy vi tính. Công tác triển khai chuyển đổi số, thực hiện triển khai Học bạ số: Đối với việc triển khai chuyển đổi số, giáo dục kỹ năng công dân số.

Thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết, điều hành công việc. Ứng dụng các thành tựu của công nghệ thông tin trong hoạt động quản lý, chỉ đạo. Đẩy mạnh hoạt động, cập nhật thông tin kịp thời, đa dạng, phong phú về nội dung và hình thức các trang thông tin phù hợp.

Đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức của viên chức, người

lao động về chuyển đổi số. Phát huy vai trò của lãnh đạo nhà trường, công đoàn, đoàn thanh niên trong việc hỗ trợ viên chức, người lao động thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số.

Thúc đẩy phát triển chuyển đổi số trong cơ sở giáo dục; Đẩy mạnh công tác sử dụng dịch vụ công trực tuyến; Tăng cường ứng dụng chữ ký số.

Khai thác hiệu quả các hệ thống thông tin quản lý, các cơ sở dữ liệu chuyên ngành phục vụ tốt công tác quản lý của đơn vị. GV thực hiện các nội dung quản lý, đánh giá học sinh trên Vnedu, CSDL; báo cáo kết quả hoạt động giảng dạy, giáo dục trên hệ thống CSDL; tham gia sinh hoạt, hội họp qua trực tuyến khi cần thiết.

Thực hiện các dịch vụ công phục vụ học sinh, phụ huynh học sinh như khoản thu không sử dụng tiền mặt, sử dụng hóa đơn điện tử.

Đối với việc triển khai Học bạ số: triển khai thực hiện học bạ số, phối hợp với đơn vị cung cấp tổ chức tập huấn để 100% cán bộ quản lý và giáo viên thực hiện ký số trên hệ thống Vnedu thuần thục, có hiệu quả.

Tổ chức dạy học nội dung giáo dục địa phương theo Chương trình GDPT 2018 Nhà trường đã tổ chức triển khai thực hiện nội dung giáo dục địa phương, gồm những vấn đề cơ bản, mang tính thời sự về văn hóa, Lịch sử, Địa lí, Kinh tế, Xã hội, Môi trường, Hướng nghiệp của địa phương nhằm trang bị cho học sinh những hiểu biết về nơi sinh sống, bồi dưỡng cho học sinh tình yêu quê hương, có trách nhiệm với cộng đồng, biết quý trọng và phát huy văn hóa truyền thống quê hương, phát triển năng lực và phẩm chất, ý thức tìm hiểu và vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết những vấn đề thực tiễn của địa phương. Các nội dung giáo dục địa phương thực hiện theo tài liệu hướng dẫn

Nâng cao hiệu quả việc đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức dạy học và phương pháp, hình thức kiểm tra, đánh giá phù hợp.

4. Thực hiện linh hoạt các phương pháp và hình thức tổ chức dạy học

Giáo viên tích cực thực hiện đổi mới phương pháp dạy học, ứng dụng công nghệ thông tin, quan tâm phát hiện và biết bồi dưỡng những học sinh có năng khiếu, đồng thời có kế hoạch và biện pháp phụ đạo các học sinh còn hạn chế về học tập.

100% giáo viên thực hiện đổi mới phương pháp dạy học, ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học.

Đẩy mạnh việc thực hiện quyền tự chủ cho tổ chuyên môn trong lựa chọn các chủ đề, rà soát nội dung các bài học trong sách giáo khoa hiện hành tương ứng để sắp xếp lại thành một số bài học tích hợp của từng môn học hoặc liên môn; xây dựng kế hoạch giáo dục cho từng môn học, hoạt động giáo dục theo định hướng phát triển năng lực, phẩm chất học sinh phù hợp với điều kiện thực tế.

Tổ chức sinh hoạt chuyên môn định kỳ, kết hợp sinh hoạt chuyên môn theo chủ đề và sinh hoạt chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học. Nội dung sinh hoạt tổ chuyên môn tập trung giải quyết các vấn đề: Dạy học phát triển năng lực; nghiên cứu bài học; dự giờ, thăm lớp, rút kinh nghiệm trong tổ; triển khai các nội

dung chuyên môn mới; theo dõi ghi nhận sự tiến bộ của học sinh, đưa ra các biện pháp giúp đỡ học sinh còn hạn chế về học tập; đề xuất các biện pháp rèn phẩm chất, năng lực học sinh; tổ chức các chuyên đề đi sâu đổi mới phương pháp dạy học, các kỹ thuật dạy học. Phối hợp nhiều phương pháp dạy học nhằm phát huy năng lực học tập của học sinh.

5. Tuyên truyền các văn bản hướng dẫn việc đánh giá học sinh cho giáo viên và cha mẹ học sinh

Thực hiện đánh giá theo hướng động viên, khuyến khích, ghi nhận sự tiến bộ hằng ngày của từng học sinh; chỉ đạo giáo viên linh hoạt các hình thức đánh giá thường xuyên phù hợp với môn học và điều kiện thực tiễn của nhà trường.

Tổ chức xây dựng đề kiểm tra định kì phù hợp với yêu cầu nội dung dạy học ở từng giai đoạn học tập của học sinh. Bài kiểm tra kết hợp giữa trắc nghiệm, trả lời đúng sai và trả lời ngắn, nội dung bài kiểm tra kết hợp giữa kiến thức đã học trong nhà trường và những nội dung vận dụng kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề thực tiễn cuộc sống.

Trên đây là báo cáo thường niên năm 2026 của trường Phổ thông Dân tộc nội trú trung học cơ sở và trung học phổ thông Đắk R'Lấp./.

Nơi nhận:
- Trang Website;
- Bảng tin;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH LÂM ĐỒNG
TRƯỜNG PHỔ THÔNG DÂN TỘC NỘI TRÚ THCS VÀ THPT ĐẮK R'LẤP

Nguyễn Văn Lam